

Bản án số: 7832023/HC-PT
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v Khởi kiện quyết định bồi
thường, hỗ trợ do thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
801/2022/TLPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Khởi kiện quyết định
bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm
2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2158/2023/QĐPT-HC
ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** ông Võ T, sinh năm 1958 (vắng mặt);;

Địa chỉ: khu F, ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Nguyễn Xuân T1,
sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số C, tổ I, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2020)

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai;

Địa chỉ: thị trấn L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Tấn T2, chức vụ: Chủ tịch Ủy
ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Văn T3 - Phó chủ tịch (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Ông Lê Văn B, Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường huyện C (xin vắng mặt).

2/ Ông Ngô Minh P - Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện C (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Phạm Thị Thu T4, sinh năm 1965 (vắng mặt);

+ Anh Võ Văn T5, sinh năm 1984 (vắng mặt);

+ Chị Võ Thị T6, sinh năm 1987 (vắng mặt);

+ Anh Võ Văn T7, sinh năm 1988 (vắng mặt);

+ Anh Võ Văn T8, sinh năm 1990 (vắng mặt);

+ Anh Võ Văn T9, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T4, anh T5, chị T6, anh T7, anh T8, anh T9: ông Võ T, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu F, ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2021).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Võ Thông .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện là ông Võ T do ông Nguyễn Xuân T1 - đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ông Võ T là chủ sử dụng các thửa đất số 54, 59 và 71 tờ bản đồ số 08 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Ngày 25/12/2019 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C ra các quyết định thu hồi đất số 505/QĐ-UBND, 506/QĐ-UBND và số 507/QĐ-UBND với nội dung thu hồi của ông Võ Thông diện tích 5248,3m² đất thuộc thửa đất số 54, 59 và 71 tờ bản đồ số 08 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P-D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn huyện C, Đồng Nai. Căn cứ bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ theo quyết định số 783/QĐUBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện dự án nêu trên; UBND huyện C xác định các thửa đất của ông T bị thu hồi ở vị trí 3 diện tích 5062,7m² và vị trí 4 diện tích 160,7m².

Thực tế, thửa đất số 54 tờ bản đồ số 8 nằm mặt tiền đường M - B (đường N) là con đường tiếp giáp giữa xã X, huyện C với xã B, huyện X. Mặt tiền

đường rộng 3m; thửa đất số 59 tờ bản đồ số 8 xã X cách mặt tiền đường M - Bung Càn 80m, các thửa đất còn lại của ông T liền kề với thửa 58. Căn cứ quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ để áp giá bồi thường, hỗ trợ các thửa đất của ông T vị trí 3, vị trí 4 là không khách quan, không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại quyền và lợi ích của ông T.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số: 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C, về việc: *“Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C.*

** Tại văn bản ghi ý kiến ngày 19/3/2020 và ngày 25/5/2020, người đại diện theo uỷ quyền của đại diện hợp pháp của người bị kiện là UBND huyện C trình bày:*

Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C là:

- Khoản 2, Điều 74, khoản 3, điểm đ, khoản 4, Điều 114, Luật Đất đai 2013;

- Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về giá đất;

- Khoản 1, Điều 20, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ, Ban hành quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2015-2019;

- Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua huyện C.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 783/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C với tổng số tiền 2.315.850.050 đồng (*bằng chữ: Hai tỷ ba trăm mười lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn không trăm năm chục đồng*) đối với ông Võ Thông . Theo đó, UBND huyện đã thực hiện bồi thường đất nông nghiệp vị trí 3, diện tích 5.062,7 m² với giá 349.000 đồng/m²

thành tiền 1.766.882.300 đồng; đất nông nghiệp vị trí 4, diện tích 160,7 m² cho với giá 300.000 đồng/m² thành tiền 48.210.000 đồng cho ông Võ T là đúng quy định.

Căn cứ Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ. thì huyện C không có tên Đường M- Bưng Cần.

Thửa đất 59, 71 tờ bản đồ số 08 xã X không tiếp giáp với đường nhóm 1, nhóm B mà cách đường nhóm 2 đường C- X thuộc địa bàn huyện C lớn hơn 1000m nên có vị trí 4. Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 08 xã X không tiếp giáp với đường nhóm 1 và đường nhóm 2 mà tiếp giáp mặt tiền đường nhựa 5m cách đường chợ X- X lớn hơn 1000m nên có vị trí 3. Việc xác định này là đúng theo quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND.

Đề thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C.

UBND huyện C đã ban hành các quyết định thu hồi đất của ông Võ T, như sau:

- Quyết định số 505/QĐ-UBND, 506/QĐ-UBND, 507/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C thu hồi 5248,3m² đất thuộc thửa đất số 54, 59 và 71 tờ bản đồ số 8 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai;

Về nhận tiền bồi thường, hỗ trợ: đến ngày 17/02/2020, ông Võ T đã nhận đủ số tiền là 2.315.850.050 đồng (*bằng chữ: Hai tỷ ba trăm mười lăm triệu tám trăm năm mươi nghìn không trăm năm chục đồng*), cụ thể:

- Ngày 28/12/2019, phiếu chi số 1123, số tiền: 2.303.850.050 đồng;

- Ngày 28/02/2020, phiếu chi số 1609, số tiền: 12.000.000 đồng;

- Ngày 15/3/2022 UBND huyện C ban hành quyết định số 157/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác cho hộ ông Võ T với số tiền là 115.501.000 đồng.

Qua rà soát hồ sơ, UBND huyện C xác định việc ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, căn cứ Luật Đất đai năm 2013 UBND huyện C ban hành quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C” đối với ông Võ T là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ T về việc yêu cầu hủy quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất lời trình bày của người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022, người khởi kiện là ông Võ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Võ T (có ông Nguyễn Xuân T1 đại diện theo ủy quyền) xin vắng mặt nhưng có văn bản vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ T vì UBND huyện C áp giá bồi thường, hỗ trợ các thửa đất của ông T vị trí 3, vị trí 4 là không đúng, gây thiệt hại quyền và lợi ích của ông T. Ngoài ra, đơn giá bồi thường, hỗ trợ mà Ủy ban nhân dân huyện C áp dụng để bồi thường là thấp, chưa đảm bảo quyền lợi của ông T.

Người bị kiện là UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Ngô Minh P phát biểu ý kiến không đồng ý kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm vì việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện C đối với ông Võ T đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người khởi kiện, người bị kiện đều xin vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến vẫn giữ kháng cáo cho rằng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 8 của ông T có vị trí mặt tiền đường M - B (đường N) là con đường tiếp giáp giữa xã X, huyện C với xã B, huyện X. Mặt tiền đường rộng 3m; thửa đất số 59 tờ bản đồ số 8 xã X cách mặt tiền đường M - Bưng Cầm 80m, các thửa đất còn lại của ông T liền kề với thửa 58. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ để áp giá bồi thường, hỗ trợ các thửa đất của ông T vị trí 3, vị trí 4 là không đúng, gây thiệt hại quyền và lợi ích của ông T. Ngoài ra, đơn giá bồi thường, hỗ trợ mà Ủy ban nhân dân huyện C áp dụng để bồi thường là thấp, chưa đảm bảo quyền lợi của ông T.

[3] Hồ sơ vụ án thể hiện, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

[4] Về vị trí đất: Phần đất bị thu hồi của ông T gồm các thửa đất 59, 71 tờ bản đồ số 08 xã X không tiếp giáp với đường nhóm 1, nhóm B mà cách đường nhóm 2 đường C - X thuộc địa bàn huyện C lớn hơn 1000m nên có vị trí 4. Thửa đất số 54 tờ bản đồ số 08 xã X không tiếp giáp với đường nhóm 1 và đường nhóm 2 mà tiếp giáp mặt tiền đường nhựa 5m cách đường chợ X - X lớn hơn 1000m nên có vị trí 3. Việc xác định vị trí đất này là đúng theo quy định tại Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ và phù hợp với văn bản số 2361/VPĐK.CM-ĐKTK ngày 22/8/2022 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ chi nhánh C xác định thửa đất số 54, tờ bản đồ số 8 xã X nằm ở vị trí 3; thửa đất số 59, 71 thuộc tờ bản đồ số 8 Xuân Bảo nằm ở vị trí 4.

[5] Ngoài ra, theo Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Đ thì đường M – Bưng Cầm là đường nhóm 2 có điểm đầu Quốc lộ A và có điểm cuối giáp huyện C, có địa giới hành chính thuộc địa bàn huyện X. Huyện C không có tên đường M - Bưng C. Do đó, việc người khởi

kiện cho rằng phải lấy đường M- Bung Cần làm mốc để xác định vị trí các thửa đất 54, 59 và 71 là không có căn cứ.

[6] Về mức giá bồi thường về đất: Căn cứ Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về phê duyệt giá đất để tính giá đất khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến B phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua huyện C thì hộ ông T được bồi thường theo mức giá 300.000 đồng/m² đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp vị trí 4 và mức giá 349.000 đồng/m² đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp vị trí 3 bị thu hồi là đúng quy định pháp luật.

[7] Về chính sách hỗ trợ: Theo Điều 15 Quyết định 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại huyện C được hưởng là 2 lần (hai lần) giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của UBND tỉnh Đ đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi.

Ủy ban nhân dân huyện C có vi phạm về thời hạn thông báo đối với việc thu hồi diện tích đất tăng thêm khi dự án được mở rộng thêm 02 làn đường theo Nghị quyết số 52/2017/QH14 thay đổi quy mô dự án từ 04 làn xe thành 06 làn xe, Quyết định số 776 áp dụng đơn giá đất nông nghiệp theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 (30.000đ/m²) khi hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông T là chưa phù hợp đối với phần diện tích này. Tuy nhiên, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 áp dụng Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Đ để tính giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Võ T là đúng quy định hiện hành tại thời điểm thu hồi đất. Sau đó, ngày 15/3/2022, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 157/QĐ-UBND áp dụng đơn giá năm 2020 theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm giai đoạn 2020 – 2024 (110.000đ/m²) để bổ sung phần chênh lệch thành tiền là 115.501.000 đồng cho ông T. Như vậy, quyền lợi của người bị thu hồi đất trong trường hợp này đã được đảm bảo.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác khởi kiện của ông T là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Võ T sinh năm 1958 là người cao tuổi nên được miễn, theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Võ Thông . Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng vào Điều 66, 67, 69 của Luật đất đai năm 2013; Điều 19, 20, 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ T về việc yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 783/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Võ T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (8);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 19b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình

